



THỰC HIỆN THỎA THUẬN PA-RI VÀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP

*bày tại cuộc họp thường niên Nhóm công tác PPP ngành hàng thuộc
Đối tác Phát triển bền vững nông nghiệp Việt Nam (PSAV)
Hà Nội, 30/11/2016*

Department of Science, Technology and Environment
Ministry of Agriculture and Rural Development



I. THỎA THUẬN PA-RI

Bối cảnh

Thỏa thuận Pa-ri được 195 nước tham gia Công ước khung của LHQ thông qua tại Hội nghị lần thứ 21 (COP21) được tổ chức tại Pa-ri vào tháng 12/2015.

Đây là thỏa thuận đầu tiên mang tính ràng buộc về pháp lý đối với toàn thế giới về BĐKH, bắt buộc các quốc gia thành viên phải tiến hành các hoạt động làm giảm phát thải KNK và thích ứng với những tác động của BĐKH. Các nước đang phát triển sẽ nhận được sự hỗ trợ để tiến hành các hoạt động này.

Một số nội dung của Thỏa thuận

Về giảm phát thải KNK: Các nước đồng ý

- Với mục tiêu dài hạn là đảm bảo sự nóng lên toàn cầu ở mức dưới 2 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp
- Theo đuổi các nỗ lực để hạn chế mức tăng nhiệt độ ở ngưỡng 1,5 độ C vì điều này làm giảm đáng kể nguy cơ và tác động tiêu cực của BĐKH
- Cần thiết phải đạt tới ngưỡng phát thải cực đại càng sớm càng tốt, ghi nhận đối với các nước đang phát triển thì thời gian có thể kéo dài hơn
- Ngay sau đó cần phải tiến hành các hoạt động giảm phát thải KNK phù hợp với khoa học tiên tiến nhất sẵn có

Một số nội dung chính

Tính minh bạch và đo đếm, đánh giá toàn cầu

- Sẽ đánh giá 5 năm/lần, trên cơ sở đó sẽ đề ra các mục tiêu tham vọng hơn
- Thông báo cho các quốc gia thành viên và công chúng biết tiến độ, kết quả thực hiện
- Theo dõi tiến độ hướng tới mục tiêu dài hạn thông qua hệ thống kiểm đếm minh bạch

Về thích ứng

- Nâng cao năng lực của xã hội về khả năng chống chịu với các tác động tiêu cực của BĐKH
- Đảm bảo các hỗ trợ của cộng đồng quốc tế đối với các hoạt động thích ứng cho các nước đang phát triển liên tục và được nâng lên

Một số nội dung chính

Mất mát và thiệt hại

- Ghi nhận tầm quan trọng của việc ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết các thiệt hại và mất mát liên quan đến BĐKH
- Ghi nhận sự cần thiết cần phải hợp tác và tăng cường hiểu biết, hành động và trợ giúp về hệ thống cảnh báo sớm, sẵn sàng ứng phó trong tình huống khẩn cấp, bảo hiểm rủi ro

Một số nội dung chính

Về hỗ trợ

- Các nước phát triển sẽ tiếp tục hỗ trợ các nước đang phát triển đối với các hoạt động nhằm giảm nhẹ phát thải KNK và thích ứng với BĐKH
- Khuyến khích các nước khá cung cấp, hỗ trợ trên tinh thần tự nguyện
- Các nước phát triển dự kiến sẽ huy động khoảng 100 tỷ USD vào năm 2020 và cho đến hết 2015, có thể xem xét nâng mức huy động cho giai đoạn tiếp theo
- GEF, GCF, Adaptation Fund, hợp tác song phương và các nguồn tài chính khác

Đóng góp do quốc gia tự quyết định

Thoả thuận Pa-ri yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên phải thể hiện các nỗ lực của mình thông qua Kế hoạch đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và ngày càng tăng cường các nỗ lực này.

Thoả thuận cũng yêu cầu các nước thành viên theo định kỳ phải báo cáo về mức phát thải và kết quả thực hiện các cam kết.

Điều kiện để Thỏa thuận có hiệu lực

Để Thỏa thuận có hiệu lực cần ít nhất 55 quốc gia thành viên chiếm ít nhất 55% lượng khí thải toàn cầu phê chuẩn. Chỉ tiêu này đã đạt được vào ngày 05/10/2016.

Thỏa thuận Pa-ri có hiệu lực từ ngày 04/11/2016 (30 ngày sau khi đạt ngưỡng)

Đến ngày 30/11/2016 đã có 114/197 quốc gia phê chuẩn Thỏa thuận Pa-ri



II. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

Phê chuẩn Thoả thuận Pa-ri

- Việt Nam thể hiện sự sẵn sàng tham gia các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm ứng phó với BĐKH về cả thích ứng và giảm nhẹ phát thải KNK
- Việt Nam phê chuẩn Công ước UNFCCC năm 1994 và Nghị định thư Kyoto năm 2002
- Việt Nam đã ban hành và triển khai nhiều Chiến lược và chính sách về BĐKH
- Phê chuẩn Thoả thuận Pa-ri ngày 31/10/2016 (Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ)
- Kế hoạch thực hiện Thoả thuận Pa-ri được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 10/2016 (Quyết định số 2053/QĐ-TTg)

Dự kiến đóng góp do quốc gia tự quyết định

- **Mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK vào năm 2030:** 8% so với Kịch bản phát triển thông thường (BAU); có thể tăng lên tới 25% nếu nhận được sự hỗ trợ của quốc tế

- **Thích ứng:** chỉ ra các Chiến lược, chính sách hiện hành; xác định các thiếu hụt nhu cầu thích ứng về thể chế, chính sách, tài chính, nguồn nhân lực và công nghệ
- 1/3 kinh phí từ ngân sách nhà nước; 2/3 từ sự hỗ trợ quốc tế và đầu tư tư nhân

➤ **Về triển khai:** chia thành 2 giai đoạn từ nay đến 2020 và sau 2020

Năng
lượng

Nông
nghiệp

LULUCF

Chất
thải

Hợp phần
giảm nhẹ
phát thải
KNK



Hợp phần
thích ứng
BĐKH



Chủ động ứng
phó với thiên
tai và tăng
cường giám
sát khí hậu

Đảm bảo
an sinh xã
hội

Ứng phó với
nước biển
dâng và
ngập lụt đô
thị



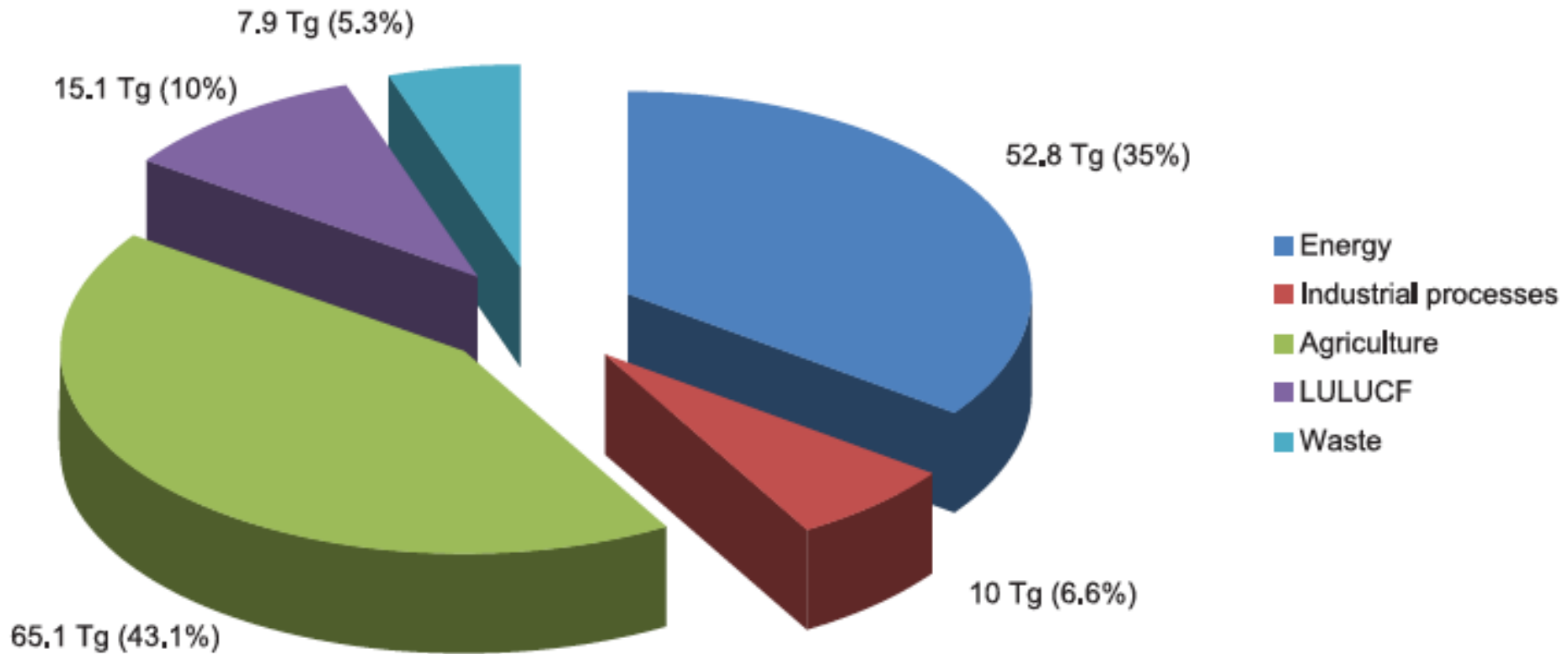
III. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN THỎA THUẬN PA-RI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP

Số liệu phát thải KNK năm 2000

(Theo Báo cáo QG lần 2)

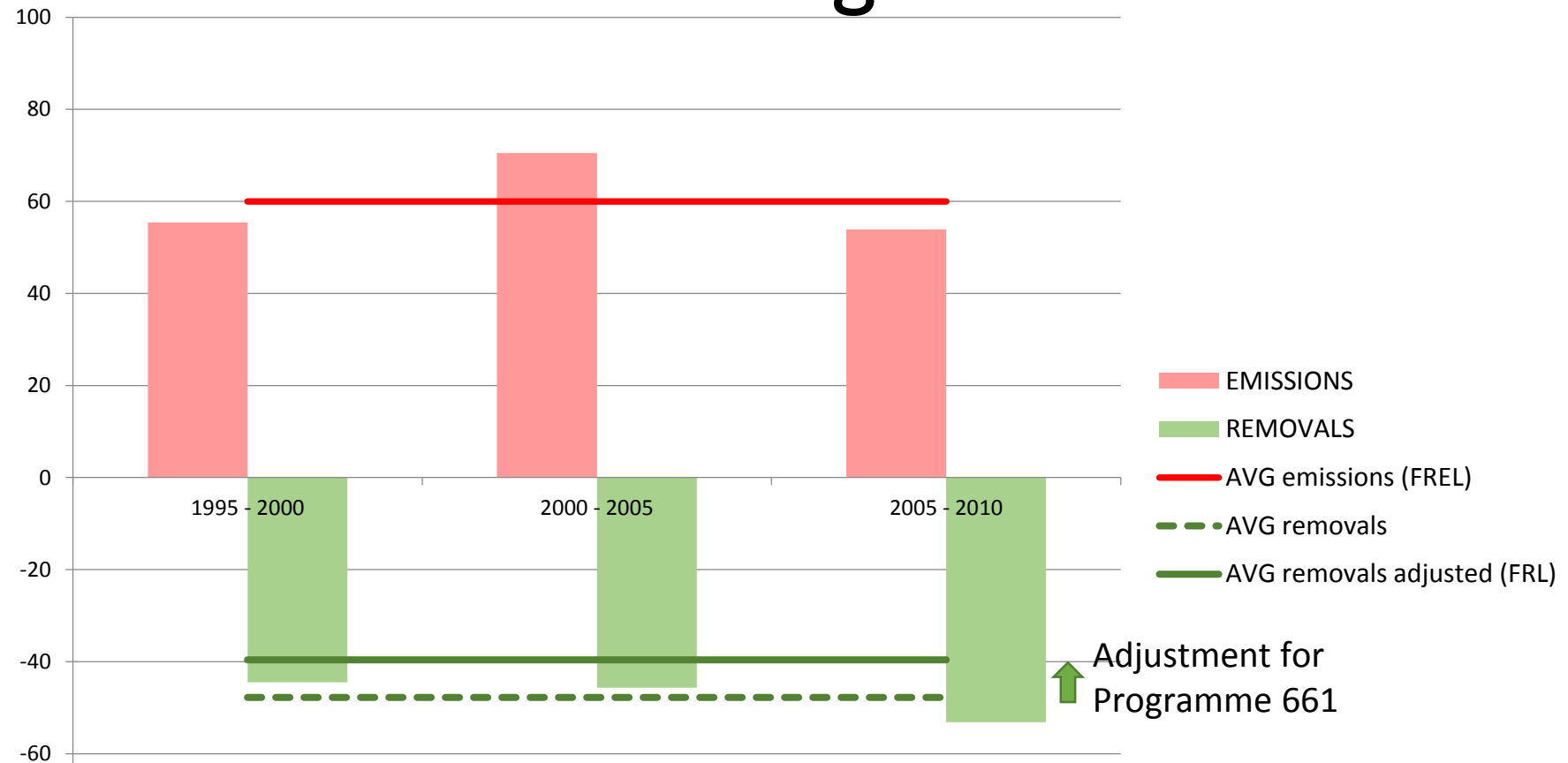
Lĩnh vực	CO2	CH4	N2O	CO2e	(%)
Năng lượng	45,900.00	308.56	1.27	52,773.46	35.0
Công nghiệp	10,005.72	0	0	10,005.72	6.6
Nông nghiệp	0	2,383.75	48.49	65,090.65	43.1
LULUCF	11,860.19	140.33	0.96	15,104.72	10.0
Chất thải	0	331.48	3.11	7,925.18	5.3
Tổng (1.000 tấn)	67,765.91	3,164.12	53.83	150,899.73	100

Số liệu phát thải KNK



Lĩnh vực nông nghiệp, sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và rừng chiếm 53.1% tổng lượng phát thải toàn quốc năm 2000 (tương đương với 80 triệu tấn CO₂e)

Xu hướng phát thải KNK và hấp thụ CO₂ của rừng VN



- Phát thải trung bình: 60 triệu tấn CO₂e/year
- Hấp thụ trung bình : 40 triệu tấn CO₂e/year

Nông nghiệp trong bối cảnh BĐKH

- Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH
- Gần 70% sống ở vùng nông thôn; lực lượng lao động trong NN khoảng 68%; đóng góp gần 20% GDP
- Lĩnh vực NN, sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và rừng (LULUCF) vừa là một trong những nguyên nhân gây ra vừa chịu tác động tiêu cực của BĐKH.
- Các biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK và thích ứng với BĐKH đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện Thỏa thuận Pa-ri và phát triển NN bền vững; có thể đem lại đa mục đích cho ngành NN, NT
- Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành đã được Bộ ban hành tại Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/03/2016

Một số hoạt động chính (2016-2020)

1. Triển khai có hiệu quả KH hành động đã được Thủ tướng và Bộ trưởng phê duyệt cho tất cả các tiểu lĩnh vực và có sự sắp xếp ưu tiên
2. Xây dựng và triển khai các Chương trình mục tiêu về:
 - Tái cơ cấu ngành NN, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và ổn định dân cư
 - Phát triển kinh tế thuỷ sản bền vững
 - Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững
 - BĐKH và tăng trưởng xanh
3. Nâng cao nhận thức và xây dựng chính sách
4. Lồng ghép BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của ngành, của từng lĩnh vực
5. Tăng cường ứng dụng KHKT; tổ chức lại sx theo chuỗi giá trị đối với các mặt hàng chủ lực, khuyến khích PPP

Các hoạt động giảm phát thải chính (2016-2020)

1. Triển khai Chương trình hành động REDD+ quốc gia
2. Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án về giảm nhẹ phát thải KNK trong NN và LULUCF, các dự án kinh doanh tín chỉ các-bon
3. Nâng cao năng lực về KK KNK, xây dựng hệ thống theo dõi, báo cáo, giám sát
4. Tăng cường năng lực điều phối và quản lý các Chương trình, dự án về BĐKH trong lĩnh vực NN và LULUCF đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và bền vững (trong đó cần nâng cao năng lực và thúc đẩy vai trò của BCĐ về BĐKH của Bộ)

Vai trò của Doanh nghiệp

1. Ứng phó với BĐKH đòi hỏi phải có kiến thức, kỹ năng về chọn tạo giống, canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông sản; kỹ năng quản lý, tổ chức sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận thị trường, tài chính, vv...
2. Doanh nghiệp có ưu thế về huy động nguồn lực tài chính, kiến thức, khả năng tiếp cận và ứng dụng KHCN cũng như thị trường
3. DN là yếu tố quan trọng và là động lực để triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH và phát triển bền vững của ngành NN
4. Ứng phó với BĐKH sẽ không thể thành công và hiệu quả nếu không có sự tham gia mạnh mẽ của DN. Vì vậy, cần phải thúc đẩy hình thức PPP

Một số ví dụ điển hình

1. Mô hình tưới tiết kiệm nước và canh tác cà phê, Ca cao bền vững ở các tỉnh Tây Nguyên (Nestle); thâm canh lúa nước ở ĐBSCL
2. Mô hình nghiên cứu chuyển giao thuốc kháng ruồi cho cây ăn trái và lai tạo giống Thanh Long có năng suất, chất lượng cao phục vụ XK tại SOFRI
3. SX gạo theo mô hình cánh đồng liên kết và cánh đồng lớn: GENTRACO & Cty thuốc BVTV An Giang
4. Mô hình nuôi tôm sinh thái ở Cà Mau
5. Mô hình chăn nuôi bền vững gắn với xử lý chất thải (biogas)
6. Các mô hình quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng FSC, CoC, VPA/FLEGT
7. Một số mô hình về sx các sản phẩm nông nghiệp mà không gây mất rừng



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!